

Số: /KH-UBND

Kim Thành, ngày tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện các chính sách dân số và phát triển theo Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và Kế hoạch số 352/KH-UBND của UBND thành phố

Thực hiện Luật Dân số ngày 10/12/2025; Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ; Kế hoạch số 352/KH-UBND ngày 13/9/2026 của UBND thành phố Hải Phòng; Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố, UBND xã Kim Thành ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn xã với các nội dung chi tiết như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai kịp thời, chính xác, đúng đối tượng các chính sách hỗ trợ về dân số theo quy định của Luật Dân số, Nghị định 168/2026/NĐ-CP và Kế hoạch 352/KH-UBND của UBND thành phố trên địa bàn xã.
- Phân công rõ trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa Phòng Văn hóa - Xã hội, Trạm Y tế, Công chức Tư pháp - Hộ tịch, Công an xã, Bộ phận Kế toán và các thôn.

2. Yêu cầu

- Thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ sinh con gắn liền với quy trình liên thông thủ tục đăng ký khai sinh trên VNeID, đảm bảo công khai, minh bạch, không phát sinh thêm thủ tục phiền hà cho nhân dân.
- Kiểm tra, đối chiếu chặt chẽ dữ liệu, bảo đảm chi đúng đối tượng, đúng điều kiện và tuyệt đối không chi trùng lặp chính sách.

II. NỘI DUNG

1. Hỗ trợ tài chính khi sinh con

1.1. Đối tượng, điều kiện và thời điểm thực hiện

a) Phụ nữ dân tộc thiểu số rất ít người

- Đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện theo điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.
- Chính sách này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 theo khoản 1 Điều 14 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

b) Phụ nữ ở tỉnh, thành phố có mức sinh dưới mức sinh thay thế

- Đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Việc xác định tình trạng mức sinh thực hiện theo khoản 4 Điều 14 Luật Dân số; thời điểm áp dụng chính sách thực hiện theo khoản 2 Điều 14 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các văn bản có liên quan.

c) Phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi

- Đối tượng, điều kiện và trình tự, thủ tục thực hiện theo điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Đồng thời, thực hiện chính sách hỗ trợ theo Điều 3 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố: hỗ trợ một lần bằng tiền 3.000.000 đồng đối với phụ nữ sinh con thứ hai trước 35 tuổi có đăng ký thường trú trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Trường hợp đồng thời thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ theo Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND thì thực hiện theo nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và quy định của Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND, bảo đảm người thụ hưởng được hưởng một mức hỗ trợ theo quy định, không chi trùng chính sách.

- Chính sách quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 theo khoản 2 Điều 14 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP. Chính sách hỗ trợ theo Điều 3 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND được thực hiện trong thời gian Nghị quyết có hiệu lực.

1.2. Mức hỗ trợ

- Đối với phụ nữ dân tộc thiểu số rất ít người: thực hiện mức hỗ trợ tối thiểu 2.000.000 đồng/phụ nữ khi sinh con theo điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; trường hợp có quy định mới của cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện theo văn bản mới kể từ thời điểm có hiệu lực.

- Đối với xã Kim Thành thuộc thành phố Hải Phòng áp dụng khi thành phố có mức sinh dưới mức sinh thay thế: thực hiện mức hỗ trợ tối thiểu 2.000.000 đồng/phụ nữ khi sinh con theo điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, kể từ thời điểm chính sách có hiệu lực.

- Đối với phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi: thực hiện mức hỗ trợ 3.000.000 đồng/lần theo Điều 3 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND; trường hợp có quy định mới của cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện theo văn bản mới kể từ thời điểm có hiệu lực.

1.3. Trình tự, thủ tục

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ thông tin từ hệ thống liên thông thủ tục đăng ký khai sinh, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) và các cơ sở dữ liệu có sẵn để quyết định hỗ trợ kinh phí và thực hiện chi trả cho phụ nữ sinh con cùng với thời điểm đăng ký khai sinh theo khoản 2 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu thông tin, bảo đảm chi đúng đối tượng, đúng điều kiện, không trùng lặp và không bỏ sót đối tượng.

2. Hỗ trợ khám sàng lọc một số bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh

- Mức hỗ trợ theo quy định:

+ Sàng lọc trước sinh: Thanh toán theo chi phí thực tế nhưng tối đa không quá 900.000 đồng/trường hợp.

+ Sàng lọc sơ sinh: Thanh toán theo chi phí thực tế nhưng tối đa không quá 600.000 đồng/trường hợp.

- Đối tượng và lộ trình:

+ *Từ ngày 01/7/2026 đến 31/12/2026*: Phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh thuộc đối tượng ưu tiên theo điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định 168/2026/NĐ-CP được sử dụng miễn phí gói dịch vụ từ ngân sách nhà nước.

+ *Từ ngày 01/01/2027*: Triển khai hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định tại Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Hình thức thực hiện tại xã: Trạm Y tế xã tư vấn, lập danh sách và hướng dẫn đối tượng thực hiện dịch vụ kỹ thuật theo phân cấp chuyên môn ngành y tế; không trực tiếp chi tiền mặt khoản này cho người dân.

3. Chăm sóc người cao tuổi tại nhà và tại cộng đồng

3.1. Chăm sóc người cao tuổi tại nhà

Nội dung chăm sóc, người thực hiện chăm sóc và các điều kiện liên quan thực hiện theo Điều 4 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

Việc tập huấn, hướng dẫn chuyên môn thực hiện theo điểm 3.1 Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2141/QĐ-BYT và Quyết định số 1976/QĐ-BYT ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ Y tế.

3.2. Chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng

a) Câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng

- Hình thức tổ chức và nội dung hoạt động thực hiện theo Điều 5 và Điều 6 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Việc thành lập, duy trì và hoạt động của câu lạc bộ thực hiện theo quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

b) Điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng

- Việc tổ chức, địa điểm, nội dung chăm sóc và người thực hiện chăm sóc thực hiện theo Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ tình hình, điều kiện thực tế của địa phương quyết định thành lập điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng thuộc trạm y tế cấp xã theo khoản 3 Điều 7 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

c) Người thực hiện chăm sóc

Tình nguyện viên, người làm chuyên môn tại trạm y tế cấp xã, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn, nhân viên công tác xã hội thực hiện nhiệm vụ theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; việc tập huấn thực hiện theo khoản 2 và khoản 3 Điều 8 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và hướng dẫn chuyên môn của Bộ trưởng Bộ Y tế.

4. Chính sách, chế độ đối với cộng tác viên dân số

4.1. Đối tượng và nhiệm vụ

Cộng tác viên dân số thực hiện theo khoản 1 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các tiêu chuẩn, nhiệm vụ do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định, hướng dẫn.

4.2. Chế độ thù lao hằng tháng

- Mức thù lao hằng tháng đối với cộng tác viên dân số thực hiện theo khoản 2 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Đối với cộng tác viên dân số tại thôn, trên địa bàn xã Kim Thành, mức hỗ trợ hằng tháng thực hiện theo Phụ lục 2 và Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố.

4.3. Chính sách hỗ trợ cộng tác viên dân số tiêu biểu

Ngoài chế độ thù lao hằng tháng theo quy định, thực hiện chính sách hỗ trợ hằng năm 2.000.000 đồng/cộng tác viên/xã đối với cộng tác viên dân số đạt các tiêu chí quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND.

4.4. Việc bố trí, quản lý và phân công

Việc bố trí số lượng, chức danh, chế độ kiêm nhiệm và mức hỗ trợ đối với người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố thực hiện theo Điều 3, Điều 4 và Phụ lục 2, Phụ lục 3 Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận, phân công cộng tác viên dân số phụ trách địa bàn theo thẩm quyền; chỉ đạo trạm y tế cấp xã hướng dẫn chuyên môn, theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả hoạt động.

5. Nguồn kinh phí thực hiện

- Ngân sách nhà nước:
 - + Chi hỗ trợ sinh con (3.000.000 đồng/lần) và thù lao CTV Dân số bố trí từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp hiện hành.
 - + Chi các gói khám sàng lọc trước sinh, sơ sinh sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp y tế do cấp trên phân bổ, giao nhiệm vụ.
- Nguồn hợp pháp khác: Huy động từ nguồn xã hội hóa và các nguồn quỹ hợp pháp tại địa phương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Chủ trì tham mưu quản lý nhà nước về công tác y tế, dân số và phát triển trên địa bàn xã; đôn đốc các bộ phận, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch đúng mục tiêu và tiến độ.

- Định kỳ chủ trì, phối hợp với Trạm Y tế tổng hợp tình hình thực hiện các chỉ tiêu dân số, tham mưu cho UBND xã báo cáo UBND thành phố và Sở Y tế.

- Chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền các chính sách dân số, hỗ trợ sinh con trên hệ thống phát thanh và Cổng thông tin điện tử của xã.

2. Công chức Văn phòng HĐND và UBND xã (Phụ trách Tư pháp - Hộ tịch)

- Chủ trì đối soát thông tin nhân thân, số con và độ tuổi của mẹ trên CSDL quốc gia về dân cư (VNeID) ngay khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai sinh.

- Lập danh sách đối tượng đủ điều kiện hưởng hỗ trợ 3.000.000 đồng chuyển Trạm Y tế và Bộ phận Tài chính - Kế toán để trình Chủ tịch UBND xã ký duyệt quyết định chi trả.

3. Phòng kinh tế xã

- Tham mưu bố trí, quản lý và thanh quyết toán nguồn kinh phí ngân sách địa phương phục vụ chi trả hỗ trợ sinh con và thù lao CTV Dân số.

- Thực hiện rút kinh phí, phối hợp với Trạm Y tế xã thực hiện chi trả tiền mặt hoặc chuyển khoản trực tiếp khoản hỗ trợ 3.000.000 đồng cho đối tượng thụ hưởng.

4. Trạm Y tế xã

- Phối hợp với Bộ phận Tài chính - Kế toán tổ chức chi trả trực tiếp tiền hỗ trợ sinh con (3.000.000 đồng) cho người dân và lưu giữ chứng từ thanh quyết toán theo quy định.

Chủ trì rà soát, lập danh sách phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh thuộc đối tượng ưu tiên sàng lọc bệnh bẩm sinh.

- Quản lý hồ sơ sức khỏe người cao tuổi; lập bảng kê và phối hợp thanh toán chế độ thù lao hằng tháng cho CTV Dân số đúng thời gian quy định.

- Báo cáo định kỳ kết quả chuyên môn cho phòng Văn hóa - Xã hội và Trung tâm Y tế khu vực trước ngày 20 hằng tháng.

5. Công an xã

Phối hợp đối soát, xác minh nhanh thông tin cư trú, mã định danh cá nhân của mẹ và trẻ em đối với các trường hợp dữ liệu khai sinh chưa đồng bộ hoặc có nghi vấn.

6. Trưởng các thôn và Cộng tác viên Dân số

- Tuyên truyền rộng rãi chính sách hỗ trợ sinh con 3.000.000 đồng để người dân nắm rõ quyền lợi và hướng dẫn người dân làm thủ tục nhận hỗ trợ tại Trạm Y tế.

- "Đi từng ngõ, gõ từng nhà" rà soát đối tượng phụ nữ mang thai, trẻ sơ sinh và người cao tuổi cần hỗ trợ chăm sóc tại cộng đồng.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện các chính sách dân số và phát triển theo Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và Kế hoạch số 352/KH-UBND của UBND thành phố. Yêu cầu Phòng Văn hóa - Xã hội, các bộ phận chuyên môn, Trạm Y tế xã và các thôn căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế TP Hải Phòng;
- TTr Đảng ủy; HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Các thôn;
- Lưu: VT, VHXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Tình